| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1814/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Bá Hợp

Bà Lê Thị Chí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1125/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 474/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: số A đường số Y, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1974; Địa chỉ: số A đường số Y, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018, lời khai tại tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 28/11/2001 (bản chính đã mất). Từ khi sinh con được hơn hai tháng mọi việc trong nhà một mình bà phải gánh vác, ông H không chịu làm việc, không chăm lo gì đến gia đình. Ông H chỉ lo đi nhậu về còn quậy phá vợ con. Sự việc đã kéo dài 18 năm, nay tình cảm không còn, bà T

yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh ngày 10/10/2000 (đã trưởng thành). Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông và bà Lương Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 28/11/2001 (bản chính đã mất). Mâu thuẫn bà T trình bày là đúng, trước đây ông có nhậu về nhà mắng chửi vợ con nhưng nay ông hứa sửa đổi để đoàn tụ với bà T, hơn nữa con chung cần có sự quan tâm dạy dỗ của cha mẹ, do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh ngày 10/10/2000 (đã trưởng thành). Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lương Thị T nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H, ông H có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hoàng H theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 28/11/2001 như vậy hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Xét nguyên nhân bà T xin ly hôn là do ông H không quan tâm, chăm lo cuộc sống cho gia đình, thường hay đi nhậu về còn quậy phá, mắng chửi vợ con, mâu thuẫn đã kéo dài 18 năm (từ năm 2001 cho đến nay), ông H đến tòa một lần duy nhất vào ngày xét xử sơ thẩm lần thứ nhất ngày 16/11/2018, ông H xác định ông có lỗi với bà T, đi nhậu về là mắng chửi bà T và ông xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, tất cả những lần triệu tập khác ông H đều vắng mặt không có lý do, kể cả phiên tòa hôm nay cho thấy ông H không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Trong thời gian chung sống bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên, to tiếng. Nguyên nhân ông H thường uống rượu, không chịu đi làm kiếm tiền, về nhà gây sự cãi nhau cùng vợ.

Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có cở sở. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 28/11/2001 được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh ngày 10/10/2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H xác định không có.

Về nợ chung: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Lương Thị T phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029877 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lương Thị T đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195 quyển số 01/2001 ngày 28/11/2001 được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh ngày 10/10/2000, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H xác định không có.

Về nợ chung: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Hoàng H xác định không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Lương Thị T phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029877 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lương Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.B, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Cúc**